

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DSST
Ngày: 06-5-2020
*V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự về mua bán*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga;**

Ông **Hồ Chí Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2019/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2019; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS, ngày 21-4-2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1976 và chị **Trương Thị Đ**, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-12-2019 trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Bùi Thanh T trình bày:

Tháng 2/2015 cho đến ngày 26/12/2017 DL, anh có bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh **Huỳnh Văn B** và chị **Trương Thị Đ**, sau nhiều năm mua bán anh B, chị Đ nợ anh tổng cộng bằng 350.014.000 đồng không có làm biên nhận.

Việc mua bán giữa anh với anh B, chị Đ có lập 02 sổ ghi để theo dõi (anh 01 cuốn, anh B 01 cuốn). Anh B lại anh mua thức ăn sau đó anh chở thức ăn lại nhà rồi ghi vào cuốn sổ của anh B, hai người không có ký tên vào sổ giao nhận

thức ăn. Sau khi anh B, chị Đ bán heo có thanh toán tiền cho anh nhưng không thanh toán hết, bắt đầu từ tháng 02/2015 anh bán thức ăn cho anh B, chị Đ đến cuối năm 2015 anh B, chị Đ nợ bằng 140.000.000 đồng, anh B trả trước 100.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng không có ghi vào sổ sách theo dõi. Sau đó anh bán tiếp thức ăn cho đến ngày 03/9/2016 DL tổng cộng anh B, chị Đ nợ anh bằng 110.000.000 đồng và cộng thêm 40.000.000 đồng nợ cũ bằng 150.000.000 đồng, lần này anh B, chị Đ xin trả nợ cũ bằng 40.000.000 đồng, còn nợ lại 110.000.000 đồng anh B, chị Đ có viết biên nhận nợ và thỏa thuận lãi mỗi tháng là 4 phân (4.400.000 đồng), nhưng tiền lãi này chị Đ, anh B không trả mà để đó cứ tới tháng sẽ cộng thêm vô vốn mua bán.

Qua ngày chốt nợ anh bắt đầu bán tiếp thức ăn cho anh B, chị Đ hình thức mua bán cũng như cũ đến ngày 26/6/2017 DL tổng cộng anh B, chị Đ nợ anh bằng 333.000.000 đồng, anh có ghi vào sổ để theo dõi. Đối với số tiền 333.000.000 đồng anh B có viết lại biên nhận nợ thiếu anh 300.000.000 đồng (biên nhận này có gộp biên nhận ngày 03/9/2016 số tiền vốn 110.000.000 đồng có chữ ký của anh B, chị Đ) và có thỏa thuận trả lãi bằng 3.000.000 đồng/01 tháng (1%/tháng), còn lại 33.000.000 đồng anh B xin nợ lại.

Qua ngày chốt nợ anh bắt đầu bán tiếp thức ăn cho anh B, chị Đ đến ngày 06/11/2017 DL tính nợ cũ, nợ mới bằng 423.380.000 đồng (trong đó có 333.000.000 đồng nợ cũ, tiền lãi và tiền bán thức ăn tiếp), không có viết lại biên nhận và chỉ thỏa thuận tính lãi của số tiền 300.000.000 đồng là 1%/tháng như cũ, số tiền còn lại không có thỏa thuận tính lãi.

Qua ngày chốt nợ anh bán thức ăn tiếp cho anh B, chị Đ đến ngày 26/12/2017 DL tổng cộng bằng 448.614.000 đồng (chỉ có 25.234.000 đồng là tiền nợ thức ăn, số còn lại là vốn và lãi của năm cũ) anh B, chị Đ có gửi cho anh bằng 15.000.000 đồng trả nợ tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng. Nên anh B, chị Đ còn nợ lại anh tổng cộng bằng 433.614.000 đồng, trong tổng số tiền này chỉ có 350.014.000 đồng là tiền vốn mua thức ăn, còn lại 83.600.000 đồng là tiền lãi.

Nay anh yêu cầu anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ cùng có trách nhiệm trả tiền mua thức ăn còn nợ bằng 350.000.000 đồng (anh tự nguyện bỏ số tiền lẽ bằng 14.000 đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/12/2017 DL cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83% tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Thanh T cung cấp gồm: 01 (một) cuốn sổ mua bán thức ăn bắt đầu từ tháng 2/2015 cho đến ngày 26/12/2017; 01 biên nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng (ngày 26/6/2017 DL, bản chính viết bằng giấy tập học sinh); 01 biên nhận nợ số tiền 110.000.000 đồng (ngày 03/9/2016 DL, bản chính viết bằng giấy tập học sinh có chữ ký của anh B, chị Đ).

Chứng cứ do Tòa án thu thập gồm: 02 bản tự khai của anh Huỳnh Văn B ngày 12/4/2019 (bản photo); 02 đơn khởi kiện cùng ngày 28/02/2019 (của anh T, bản photo); 01 đơn khởi kiện ngày 08/9/2019 (của anh T, bản photo); 01 biên bản lấy lời khai của anh T ngày 12-4-2019 tại Tòa án (photo); 01 đơn yêu cầu trả lại số tiền nợ đã thiếu của anh T ngày 27/8/2018 (photo); 01 biên bản hòa

giải áp ngày 11/9/2018 (bản photo); 03 quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án (photo);

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh B, chị Đ được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thanh T.

Buộc anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ cùng có trách nhiệm trả tiền vốn mua thức ăn còn nợ cho anh Bùi Thanh T bằng 350.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại huyện T, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án anh B, chị Đ đều vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B, chị Đ vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B và chị Đ.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Anh Bùi Thanh T khởi kiện cho rằng tháng 2/2015 đến ngày 26/12/2017 DL anh có bán thức ăn chăn nuôi heo cho anh B, chị Đ rất nhiều lần tổng cộng bằng 350.014.000 đồng, mua bán không có hợp đồng bằng văn bản, nhưng anh T có lập 02 sổ mua bán giữa anh và anh B để hai người theo dõi, tổng cộng anh

B, chị Đ nợ anh bằng 350.014.000 đồng. Do anh B, chị Đ không thanh toán nên anh T có làm đơn yêu cầu Ban nhân dân ấp M nhờ giải quyết, tại biên bản hòa giải anh B thừa nhận có thiếu tiền mua thức ăn nuôi heo của anh T và xin trả dần, do anh B không thực hiện nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết 02 lần trong quá trình giải quyết, anh T tự nguyện rút lại đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Đối với anh B, chị Đ mặc dù không đến Tòa án để giải quyết nhưng tại bản tự khai ngày 12/4/2019 của anh Huỳnh Văn B nộp cho Tòa án ở các vụ án trước anh thừa nhận có mua thức ăn nuôi heo của anh T nhiều năm, do chăn nuôi heo lỗ kéo dài mấy năm, anh T không bán thức ăn nữa, nên không chăn nuôi heo được phải thiếu tiền mua thức ăn bằng 433.614.000 đồng. Anh T có lời khai thống nhất trong số tiền anh B thừa nhận chỉ có 350.014.000 đồng là tiền vốn, còn lại 83.600.000 đồng là tiền lãi giữa anh và anh B đã thỏa thuận. Nay anh T chỉ khởi kiện yêu cầu anh B, chị Đ trả tiền vốn bằng 350.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của anh T từ ngày 26/12/2017 DL cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Từ những nhận định nêu trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thanh T.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Bùi Thanh T không phải chịu án phí.

[5] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 92, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 430, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thanh T.

2. Buộc anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ có trách nhiệm trả cho anh Bùi Thanh T tổng cộng bằng 432.308.330 đồng (Trong đó vốn bằng 350.000.000 đồng, tiền lãi bằng 82.308.330 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị đơn anh Huỳnh Văn B và chị Trương Thị Đ phải chịu 21.292.333 đồng án phí dân sự.

Anh Bùi Văn Toàn không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền 8.750.350 đồng theo biên lai thu tiền số 0006539 ngày 27-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần cho anh Bùi Thanh T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm